

Bản án số: **01/2021/KDTM-ST.**

Ngày: 29/01/2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Trần Trung Nhân**.

+ Ông **Nguyễn Phước Tường**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Thị Kim Luông** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang:** không tham gia.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 08/2020/TLST- KDTM, ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A.

Địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, TP Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Doãn S**-Tổng Giám đốc.

Đại diện ủy quyền: Ông **Trần Văn C**- Giám đốc chi nhánh Tiền Giang.

Chị **Huỳnh Kim N**- Tổ trưởng TKHDN; Anh **Nguyễn Thanh T**-Trưởng phòng Khách hàng - Chi nhánh Tiền Giang. (có mặt)

Địa chỉ: Đường N, Phường M, TP. P, Tiền Giang.

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV Xây Xát M.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Anh **Trần Văn T**, sinh năm: 1979 - Giám đốc.

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

-**Trần Văn H**, sinh năm: 1947. (vắng mặt)

-**Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1949.(vắng mặt)

-**Trần Văn T**, sinh năm: 1979. (vắng mặt)

-**Trần Thy N**, sinh năm: 2004 (do anh Trần Văn T làm đại diện).

-**Trần Vân A**, sinh năm: 2008 (do anh Trần Văn T làm đại diện).

-**Trần Gia K**, sinh năm: 2011(do anh Trần Văn T làm đại diện).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I/Phần trình bày của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/9/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Ngân hàng A và người đại diện hợp pháp là anh Trần Văn C, chị Huỳnh Kim N và anh Nguyễn Thanh T trình bày thống nhất:

Ngày 09/4/2019 Công ty M với Ngân hàng A đã ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức tín dụng số tiền 51.000.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số HDTD8302019192, thời gian vay là 12 tháng từ ngày 10/4/2019 đến ngày 08/4/2020. Lãi suất là 10,3%/năm và Hợp đồng hạn mức thấu chi số tiền 1.000.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số HDTD8302019193 thời gian vay là 12 tháng từ ngày 09/4/2019 đến ngày 09/4/2020. Lãi suất là 12,5%/năm. Cả hai hợp đồng này lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trả lãi hàng tháng vào ngày 20 dương lịch, vốn gốc trả vào cuối kỳ. Mục đích vay vốn là để bổ sung vốn kinh doanh và hoạt động Công ty M.

Để đảm bảo hai hợp đồng này Công ty M; ông Trần Văn T, ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị L ký kết hợp đồng thế chấp số 2011, 2014, 2015, 2017 và 2021 thế chấp các tài sản cho Ngân hàng A các thửa đất và tài sản trên đất gồm:

- Thửa đất số 109, tờ bản đồ số 20, diện tích 4779,8m² vào sổ cấp giấy số CH02165, ngày 25/5/2015, cấp cho anh Trần Văn T. Địa chỉ thửa đất ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 20, diện tích 1398,2m² vào sổ cấp giấy số CH02164 ngày 25/5/2015, cấp cho anh Trần Văn T. Địa chỉ thửa đất ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Thửa đất số 117, tờ bản đồ số 20, diện tích 2159,5m² vào sổ cấp giấy số CH02163 ngày 25/5/2015, cấp cho Trần Văn T. Địa chỉ thửa đất ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 16, diện tích 7366,8m² vào sổ cấp giấy số CH01884 ngày 23/9/2014, cấp cho hộ ông Trần Văn H. Địa chỉ thửa đất ấp K, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Thửa đất số 118 diện tích 300m² và thửa số 119 diện tích 2280,4m², tờ bản đồ số 19 vào sổ cấp giấy số CH01885 ngày 17/11/2014, cấp cho hộ ông Trần Văn H.

- Thửa đất số 123, tờ bản đồ số 19, diện tích 5519,7m² vào sổ cấp giấy số CS05720 11/9/2017, cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L.

- Thửa đất số 122, tờ bản đồ số 19 diện tích 3904,6m² vào sổ cấp giấy số CS05721 ngày 11/9/2017, cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L. Địa chỉ thửa đất tại ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 20 diện tích 3040,9m² vào sổ cấp giấy số CH901147, ngày 19/12/2014 cấp cho hộ ông Trần Văn H. Địa chỉ thửa đất tại ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Thửa đất số 447 diện tích 3878,5m² và 448 diện tích 4022,5m², tờ bản đồ số 20, diện tích vào sổ cấp giấy số CH03253 ngày 14/10/2013 cấp cho anh Trần Văn T. Địa chỉ thửa đất tại ấp K, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang

- Thửa đất số 07, tờ bản đồ số 19, diện tích 1045,4m² vào sổ cấp giấy số CS06185, ngày 03/6/2019, cấp cho Trần Văn T. Địa chỉ thửa đất tại ấp K, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đến ngày 16/05/2019 Công ty M với Ngân hàng A tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số HDTD83020256. Theo hợp đồng này Ngân hàng A cho Công ty M vay số tiền là 7.000.000.000đ. lãi suất là 12,6%/năm. Quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn

vay là 60 tháng. Trả vốn và lãi theo từng tháng là 60 kỳ. Mục đích vay là lắp đặt dây chuyền sản xuất gạo theo hợp đồng kinh tế số 04/2018/HĐKT ngày 27/02/2018.

Công ty M ký hợp đồng thế chấp số 2012, 2018 và 3103 thế chấp cho Ngân hàng A các tài sản gồm:

- Dây chuyền nhà máy lau bóng gạo cộng xát gạo 7 bass có công suất 10 tấn/giờ và những thiết bị kèm theo hợp đồng kinh tế 04/2018/HĐKT ngày 27/02/2018.

- Tổng cộng 3 hợp đồng trên Công ty M đã nhận nợ tại Ngân hàng A là 59.000.000.000đ. Công ty M thanh toán được 10 kỳ vốn và lãi phát sinh đến ngày 10/4/2020 thì ngưng. Tính đến ngày 29/7/2020 Công ty M còn nợ Ngân hàng A 03 hợp đồng nói trên vốn gốc là 57.576.209.708đ và lãi suất phát sinh là 2.505.906.000đ. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/01/2021. Còn nợ:

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD8302019192 vốn gốc là: **50.742.909.708đ** và lãi phát sinh trong hạn **4.725.416.769đ**, lãi suất phát sinh quá hạn **759.416.271đ**.

- Hợp đồng khấu chi số HDTD 8302019193 vốn gốc là: **1.000.000.000đ** và lãi suất phát sinh trong hạn **101.027.397đ**, lãi suất phát sinh quá hạn **18.439.201đ**.

- Hợp đồng tín dụng số HDTD83020256 vốn gốc là **5.833.300.000đ** và lãi suất phát sinh trong hạn **634.311.444đ**, lãi suất phát sinh quá hạn **55.285.661đ**.

Tổng cộng cả ba hợp đồng trên còn nợ vốn là **57.576.209.708đ**, lãi suất trong hạn **5.460.755.610đ**, lãi quá hạn **833.141.133đ**. Cộng chung là **70.164.003.194đ**.

Do Công ty M vi phạm thỏa thuận đã ký kết với Ngân hàng A. Nay Ngân hàng A yêu cầu Công ty M đại diện là anh Trần Văn T trả cho Ngân hàng A tổng số tiền vốn và lãi phát sinh của 03 hợp đồng nói trên tính đến ngày 29/01/2021 là 70.164.003.194đ, yêu cầu trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu Ngân hàng A được quyền tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng nói trên từ ngày 30/01/2021 đến khi Công ty M và anh Trần Văn T trả hết nợ.

Yêu cầu Tòa án giải quyết cho Ngân hàng A được xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi vốn nếu Công ty M và ông Trần Văn T không trả được nợ.

II/ Phần trình bày của bị đơn:

Công ty M- đại diện theo pháp luật ông Trần Văn T dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án về việc Ngân hàng A khởi kiện tranh chấp 03 hợp đồng tín dụng nêu trên và yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp nếu không trả được nợ và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần. Nhưng Công ty M đại diện anh Trần Văn T đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của mình cũng như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

III/ Phần trình bày của người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

Các ông (bà) Trần Văn H, Nguyễn Thị L và Trần Văn T dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án về việc Ngân hàng A khởi kiện tranh chấp 03 hợp đồng tín dụng nêu trên và yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp nếu không trả được nợ và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần. Nhưng các ông (bà) Trần Văn H, Nguyễn Thị L và Trần Văn T đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các thông báo

công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của mình cũng như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng dân sự:

- Xét về thẩm quyền giải quyết vụ án;

Nguyên đơn Ngân hàng A có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng với Công ty M - Đại diện theo pháp luật anh Trần Văn T, chức vụ Giám đốc. Công ty M và anh Trần Văn T có địa chỉ tại xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 3, Điều 26; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Xét về việc xét xử vắng mặt đương sự.

Công ty M - Đại diện theo pháp luật anh Trần Văn T, chức vụ Giám đốc là bị đơn, ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T là người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt không lý do dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; Thông báo công khai chứng cứ và Thông báo mở phiên họp hòa giải vụ án; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để xét xử vụ án nhiều lần. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Công ty M - Đại diện theo pháp luật anh Trần Văn T, chức vụ Giám đốc là bị đơn, ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị L, anh Trần Văn T là phù hợp với qui định tại điểm b khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[II] Về nội dung vụ án:

1. Xét hợp đồng vay.

Ngày 09/4/2019 Công ty M với Ngân hàng A đã ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức tín dụng số tiền 51.000.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số HDTD8302019192, thời gian vay là 12 tháng từ ngày 10/4/2019 đến ngày 08/4/2020. Lãi suất là 10,3%/năm và Hợp đồng hạn mức thấu chi số tiền 1.000.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số HDTD 8302019193 thời gian vay là 12 tháng từ ngày 09/4/2019 đến ngày 09/4/2020. Lãi suất là 12,5%/năm. Cả hai hợp đồng này lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trả lãi hàng tháng vào ngày 20 dương lịch, vốn gốc trả vào cuối kỳ. Mục đích vay vốn là để bổ sung vốn kinh doanh và hoạt động Công ty M.

Đến ngày 16/05/2019 Công ty M với Ngân hàng A tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số HDTD83020256. Theo hợp đồng này Ngân hàng A cho Công ty M vay số tiền là 7.000.000.000đ. lãi suất là 12,6%/năm. Quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn vay là 60 tháng. Trả vốn và lãi theo từng tháng là 60 kỳ. Mục đích vay là lắp đặt dây chuyền sản xuất gạo theo hợp đồng kinh tế số 04/2018/HĐKT ngày 27/02/2018.

-Tổng cộng 3 hợp đồng trên Công ty M đã nhận nợ tại Ngân hàng A là 59.000.000.000đ. Công ty M tháng toán vốn và lãi phát sinh theo hợp đồng được 10 kỳ, đến ngày 10/4/2020 thì ngưng. Tính đến ngày 29/7/2020 Công ty M còn nợ Ngân hàng

A 03 hợp đồng nói trên vốn gốc là 57.576.209.708đ và lãi suất phát sinh là 2.505.906.000đ. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/01/2021. Còn nợ:

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD8302019192 vốn gốc là: 50.742.909.708đ và lãi phát sinh trong hạn 4.725.416.769đ, lãi suất phát sinh quá hạn 759.416.271đ.

- Hợp đồng thấu chi số HDTD 8302019193 vốn gốc là: 1.000.000.000đ và lãi suất phát sinh trong hạn 101.027.397đ, lãi suất phát sinh quá hạn 18.439.201đ.

- Hợp đồng tín dụng số HDTD83020256 vốn gốc là 5.833.300.000đ và lãi suất phát sinh trong hạn 634.311.444đ, lãi suất phát sinh quá hạn 55.285.661đ.

Tổng cộng cả ba hợp đồng trên còn nợ vốn là **57.576.209.708đ**, lãi suất trong hạn **5.460.755.610đ**, lãi quá hạn **833.141.133đ**. Cộng chung là **70.164.003.194đ**.

Do Công ty M vi phạm thỏa thuận đã ký kết với Ngân hàng A. Nay Ngân hàng A yêu cầu Công ty M đại diện là anh Trần Văn T trả cho Ngân hàng A tổng số tiền vốn và lãi phát sinh của 03 hợp đồng nói trên tính đến ngày 29/01/2021 tổng cộng vốn và lãi phát sinh trong hạn và quá hạn là 70.164.003.194đ.

Xét thấy việc Công ty M, đại diện anh Trần Văn T ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng A vay vốn để sản xuất kinh doanh là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với Luật Tín dụng – Ngân hàng; Sau khi ký kết hợp đồng phía bị đơn đã nhận đủ số tiền vay thể hiện qua Giấy đề nghị giải ngân kèm kết ước nhận nợ của anh Trần Văn T tại Ngân hàng A – Chi nhánh Tiền Giang. Theo thỏa thuận vay này thì Công ty M phải trả lãi hàng tháng vào ngày 20 dương lịch đối với hai hợp đồng số HDTD8302019192 và hợp đồng số HDTD 8302019193. Còn hợp đồng số HDTD83020256 thì trả vốn và lãi hàng tháng. Nhưng sau khi vay Công ty M đại diện là anh Trần Minh Tâm trả được 10 kỳ đến ngày **10/4/2020** thì ngưng. Cho thấy Công ty M, đại diện anh Trần Minh Tâm là người có lỗi và là người vi phạm nghĩa vụ cam kết lúc ban đầu. Còn bị đơn vắng mặt và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của mình cũng như yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn cho thấy bị đơn đã từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng vào các chứng cứ mà phía nguyên đơn nộp kèm theo đơn kiện. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tính đến ngày 29/01/2021 bị đơn còn nợ nguyên đơn số vốn vay và lãi suất phát sinh cộng chung 70.164.003.194đ là có cơ sở phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là hồ sơ vay vốn, hồ sơ thế chấp do nguyên đơn Ngân hàng A cung cấp cho Tòa án.

2. Xét yêu cầu trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật:

Khi ký kết hợp đồng tín dụng hai bên có thỏa thuận xác định thời gian trả vốn và lãi của từng hợp đồng. Nhưng nay các hợp đồng đã quá hạn nhưng phía bị đơn không trả được vốn và lãi cho nguyên đơn cho thấy bị đơn là người có lỗi, vi phạm thỏa thuận cam kết ban đầu được ghi vào hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Do đó Hội đồng xét xử cần buộc Công ty M-đại diện theo pháp luật anh Trần Văn T trả cho Ngân hàng A số vốn vay còn lại và lãi suất phát sinh tính đến ngày 29/01/2021 là **70.164.003.194đ** và khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với qui định trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

3. Xét yêu cầu của Ngân hàng A tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng:

Nhận thấy khi thỏa thuận giao kết hợp đồng hai bên cũng thỏa thuận là Ngân hàng A được quyền tính lãi theo thỏa thuận đã ghi trong các hợp đồng tín dụng nói trên. Mặt khác việc giao kết hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp qui định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử cần buộc phía bị đơn trả lãi theo hai hợp đồng tín dụng nói trên

cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ, đúng qui định tại các Điều 91, 94 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

4. Xét hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo các hợp đồng trên anh Trần Văn T; ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị L ký kết hợp đồng thế chấp với Ngân hàng A gồm:

- Số 2011/2019/HĐTC/CN TienGiang, ngày 09/4/2019.
- Số 2018/2019/HĐTC/CN TienGiang, ngày 27/5/2019.
- Số 3103/2019/HĐTC/CN TienGiang, ngày 16/5/2019.
- Số 2012/2019/HĐTC/CN TienGiang, ngày 11/4/2019.
- Số 2021/2019/HĐTC/CN TienGiang, ngày 11/6/2019.
- Số 2017/2019/HĐTC/CN TienGiang, ngày 07/5/2019.
- Số 2015/2019/HĐTC/CN TienGiang, ngày 21/5/2019.
- Số 2014/2019/HĐTC/CN TienGiang, ngày 21/5/2019.

Thế chấp các thửa đất, tài sản trên đây và đây chuyên lao bóng gạo cho Ngân hàng A để vay vốn.

Nhận thấy khi ký kết các bên tham gia ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc lừa dối, các hợp đồng này được công chứng của Phòng Công chứng số 1 tỉnh Tiền Giang đúng qui định pháp luật. Tại thời điểm thế chấp các tài sản này không có tranh chấp. Đồng thời người có quyền sở hữu tài sản cũng nhưng người đồng sở hữu tài sản đối với tài sản cấp cho hộ đều tham gia ký kết đầy đủ. Do đó cần xác định các hợp đồng thế chấp này đúng qui định pháp luật và có hiệu lực thi hành. Đồng thời người có tài sản thế chấp cam kết bảo lãnh cho người thế chấp nếu người thế chấp không trả được nợ thì người có tài sản thế chấp chấp nhận dùng tài sản thế chấp của mình để Ngân hàng A xử lý trả nợ nhằm đảm bảo số vốn vay.

Nay Ngân hàng A có yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp để trả nợ nếu Công ty M đại diện anh Trần Văn T không trả được nợ là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với nội dung của hợp đồng thế chấp mà hai bên tham gia ký kết đúng qui định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng A là được quyền xử lý tài sản đối với các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi vốn vay nếu Công ty M, đại diện anh Trần Văn T không trả được vốn vay là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng qui định pháp luật.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A nên bị đơn Công ty M, đại diện anh Trần Văn T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo qui định pháp luật. Do anh T có đơn xin giảm một phần án phí vì doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch bệnh Covic 19 có xác nhận của chính quyền địa phương nơi doanh nghiệp có trụ sở. Nên Hội đồng xét xử xem xét giảm cho doanh nghiệp 50% tiền án phí là có căn cứ. Cụ thể số tiền Công ty M- Anh Trần Văn T phải trả là 70.164.003.194đ. Án phí phải chịu là 112.000.000đ đối với 4.000.000.000đ và 0,1% số tiền vượt còn lại là 66.164.003.194đ x 0,1% = 178.164.003đ giảm 50%. Còn lại là 89.082.000đ

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3, Điều 26; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39; Khoản 1, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 và điểm b, khoản 2 Điều 227; Khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 91, 94 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

- Căn cứ Điều 4, khoản 2 và khoản 2 Điều 13 Thông Tư số 39/2016/TTNH-NN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà Nước.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang.

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây xát M— đại diện theo pháp luật anh Trần Văn T trả cho Ngân hàng A –Chi nhánh Tiền Giang số tiền vốn vay của các Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 29/01/2021 như sau:

Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD8302019192 vốn gốc là: 50.742.909.708đ và lãi phát sinh trong hạn 4.725.416.769đ, lãi suất phát sinh quá hạn 759.416.271đ.

- Hợp đồng thấu chi số HDTD 8302019193 vốn gốc là: 1.000.000.000đ và lãi suất phát sinh trong hạn 101.027.397đ, lãi suất phát sinh quá hạn 18.439.201đ.

- Hợp đồng tín dụng số HDTD83020256 vốn gốc là 5.833.300.000đ và lãi suất phát sinh trong hạn 634.311.444đ, lãi suất phát sinh quá hạn 55.285.661đ.

Tổng cộng cả ba hợp đồng trên còn nợ vốn là **57.576.209.708đ**, lãi suất trong hạn **5.460.755.610đ**, lãi quá hạn **833.141.133đ**. Cộng chung là **70.164.003.194đ**.

Thời gian trả: Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngân hàng A được quyền tiếp tục tính lãi các hợp đồng trên theo thỏa thuận của hợp đồng mà hai bên đã ký kết từ ngày 30/01/2021 cho đến khi Công ty M, đại diện anh Trần Văn T trả hết nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng A có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty M, đại diện anh Trần Văn T không thanh toán khoản nợ gốc và lãi nêu trên thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án sự vụ huyện Cái Bè xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo các khoản vay và lãi suất phát sinh nói trên. Gồm các tài sản sau:

- Thửa đất số 109, tờ bản đồ số 20, diện tích 4779,8m² vào sổ cấp giấy số CH02165, ngày 25/5/2015, cấp cho anh Trần Văn T. Địa chỉ thửa đất ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 20, diện tích 1398,2m² vào sổ cấp giấy số CH02164 ngày 25/5/2015, cấp cho anh Trần Văn T. Địa chỉ thửa đất ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Thửa đất số 117, tờ bản đồ số 20, diện tích 2159,5m² vào sổ cấp giấy số CH02163 ngày 25/5/2015, cấp cho Trần Văn T. Địa chỉ thửa đất ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 16, diện tích 7366,8m² vào sổ cấp giấy số CH01884 ngày 23/9/2014, cấp cho hộ ông Trần Văn H. Địa chỉ thửa đất ấp K, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang

- Thửa đất số 118 diện tích 300m² và thửa số 119 diện tích 2280,4m², tờ bản đồ số 19 vào sổ cấp giấy số CH01885 ngày 17/11/2014, cấp cho hộ ông Trần Văn H.

- Thừa đất số 123, tờ bản đồ số 19, diện tích 5519,7m² vào sổ cấp giấy số CS05720 11/9/2017, cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L.

- Thừa đất số 122, tờ bản đồ số 19 diện tích 3904,6m² vào sổ cấp giấy số CS05721 ngày 11/9/2017, cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L. Địa chỉ thửa đất tại ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang

- Thừa đất số 129, tờ bản đồ số 20 diện tích 3040,9m² vào sổ cấp giấy số CH901147, ngày 19/12/2014 cấp cho hộ ông Trần Văn H. Địa chỉ thửa đất tại ấp M, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Thừa đất số 447 diện tích 3878,5m² và 448 diện tích 4022,5m², tờ bản đồ số 20, diện tích vào sổ cấp giấy số CH03253 ngày 14/10/2013 cấp cho anh Trần Văn T. Địa chỉ thửa đất tại ấp K, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Thừa đất số 07, tờ bản đồ số 19, diện tích 1045,4m² vào sổ cấp giấy số CS06185, ngày 03/6/2019, cấp cho Trần Văn T. Địa chỉ thửa đất tại ấp K, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Dây chuyền nhà máy lau bóng gạo cộng xát gạo 7 bass có công suất 10 tấn/giờ và những thiết bị kèm theo hợp đồng kinh tế 04/2018/HĐKT ngày 27/02/2018.

Trường hợp số tiền thu được từ tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán khoản nợ, Công ty M, đại diện anh Trần Văn T vẫn phải tiếp tục trả số nợ gốc và lãi còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng A.

2. Về án phí:

- Công ty M, đại diện anh Trần Văn T phải chịu 89.082.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng A - Chi nhánh Tiền Giang số tiền tạm ứng án phí là 84.040.500đ, tại biên lai thu số 0004319, ngày 05/11/2020 của chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa hôm nay được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè ;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

PHẠM THANH DŨNG